

PHỤ LỤC I
BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ QUYẾT TOÁN
Công trình: KCH Tuyển kênh B1-1a

(Kèm theo Quyết định số: 238 /QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND xã Ba Gia)

STT	Cơ cấu	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị quyết toán (1)	Giá trị dự toán (dự thầu) chi tiết được duyệt (2)	Giá trị Chủ đầu tư trình (3)	Tăng (+), giảm (-); dự toán (2) so với (1)	Tăng (+), giảm (-); Chủ đầu tư (3) so với (1)	Chi chú
I	Chi phí xây dựng								
1	Giá trị xây dựng		Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	329.632.000	528.997.883	329.632.000	199.365.883	-	
	* Tổng cộng	G_{XD}		329.632.000	336.747.240	329.632.000	7.115.240	-	
II	Chi phí quản lý dự án (BQL)	BQL		7.845.000	7.991.318	7.845.000	146.318	-	
III	Chi phí tư vấn (TV)								
1	Chi phí khảo sát	a 1	Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	8.954.000	9.120.226	8.954.000	166.226	-	
2	Chi phí lập BCKTKT xây dựng công trình	a 2	Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	10.249.000	10.439.164	10.249.000	190.164	-	
3	Chi phí lập HSYC, đánh giá HSDX	a 3		1.193.000	1.215.658	1.193.000	22.658	-	
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	a 4	Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	8.589.000	8.748.693	8.589.000	159.693	-	
5	Thẩm tra thiết kế BVTC - Dự toán	a 5		-	1.503.240	-	1.503.240	-	
	* Tổng cộng	TV	(a1 +a5)	28.985.000	31.027.000	28.985.000	2.042.000	-	
IV	Chi phí khác (CK)								
1	Chi phí bảo hiểm	b 1		-	1.852.110	-	1.852.110	-	
2	Lệ phí thẩm định BCKTKT	b 2	Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	204.000	204.987	204.000	987	-	
3	Chi phí thẩm tra quyết toán	b 3	Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	-	2.166.000	-	2.166.000	-	
4	Lệ phí thẩm định HSMT	b 4		-	-	-	-	-	
5	Lệ phí thẩm định kết quả LCNT	b 5		-	-	-	-	-	
	* Tổng cộng	CK	(b1 ...+b5)	204.000	4.223.000	204.000	4.019.097	-	
V	Dự phòng	DP		-	11.364	-	11.364	-	
VI	Tổng kinh phí	TQT	(G _{XD} +BQL+TV+CK+DP)	366.666.000	380.000.000	366.666.000	13.334.000	-	

PHỤ LỤC II
BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ
Công trình: KCH Tuyển kênh B1-1a

(Kèm theo Quyết định số: 238 /QĐ-UBND ngày 24 /3/2026 của UBND xã)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị quyết toán	Giá trị đã cấp, thanh toán cho công trình (Dự án) tính đến ngày đối chiếu K.Bạc	Nợ phải trả (+)	Nợ phải thu (-)
I	Chi phí xây dựng					
1	Giá trị xây lắp đã giảm trừ		329.632.000	332.556.000	-	2.924.000
	* Tổng cộng	Công ty TNHH MTV tư vấn đầu tư xây dựng Bảo Anh	329.632.000	332.556.000	-	2.924.000
II	Chi phí quản lý dự án	Công ty TNHH TVXD công trình Vạn Thiên	7.845.000	7.845.000	-	-
III	Chi phí tư vấn					
1	Chi phí khảo sát	Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn xây dựng Tân Phát	8.954.000	19.203.000	-	-
2	Chi phí lập BCKTKT xây dựng công trình	Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn xây dựng Tân Phát	10.249.000			
3	Chi phí lập HSYC, đánh giá HSDX	Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng An Mỹ	1.193.000	1.193.000	-	-
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Công ty TNHH MTV Tư vấn xây dựng và Thương mại Bảo	8.589.000	8.589.000	-	-
	* Tổng cộng		28.985.000	36.830.000	-	-
IV	Chi phí khác					
1	Lệ phí thẩm định BCKTKT	-	204.000	204.000	-	-
2	Chi phí thẩm tra quyết toán	Phòng Kinh tế xã Ba Gia	-		-	-
	* Tổng cộng		204.000	204.000	-	-
V	Tổng cộng		366.666.000	369.590.000	-	2.924.000

